

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 29, 30 – 6 – 2023
V/v: *Kiến xin ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản chung và nợ
chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản.

Bà Đặng Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Kiến xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 115/2022/TB-TA ngày 22/12/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 206/TB-TA ngày 27/12/2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 05/01/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 31/01/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNHGĐ ngày 13/02/2023; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 30/2023/TB-TA ngày 07/3/2023; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 44/2023/TB-TA ngày 30/3/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNHGĐ ngày 21/4/2023; Quyết định tạm đình chỉ số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 110/2023/TBMLPT-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A đường N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Số B đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Chị Q có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn T – Luật sư, Công ty L2; địa chỉ: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A đường N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh N có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T2. Địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh H – Giám đốc. Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/5/2022, được bổ sung tại bản tự khai; các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết N đều thừa nhận kết hôn ngày 11/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống thì chị Q phát hiện anh N có mối quan hệ bất chính đối với người phụ nữ khác dẫn đến có con riêng, nhưng chị Q quyết định cho anh N cơ hội sửa chữa sai lầm. Anh N cũng thừa nhận và xin lỗi đồng thời làm bản cam kết chấm dứt các mối quan hệ ngoài luồng để gìn giữ hôn nhân. Tuy nhiên, sau đó anh N vẫn tiếp tục sai lầm để dẫn đến mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng đến mức không thể hàn gắn được. Năm 2021, chị Q đưa con chung của anh chị là cháu C đi khám và phát hiện cháu bị mắc bệnh cường giáp và phải nhập viện điều trị, hàng tháng phải tái khám thường xuyên. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người người không còn thương yêu nhau nữa. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, thiếu sự quan tâm, thiếu sự chia sẻ và mất lòng tin, khiến cuộc sống hết sức căng thẳng. Mặc dù anh chị và gia đình đình hai bên đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không đem lại kết quả gì. Do xảy ra các trận xô xát nên hiện nay anh chị đã sống ly thân, chị Q phải cùng cháu C về nhà bố mẹ chị để sinh sống từ tháng 5/2022 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên mong Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Viết N.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết C1, sinh ngày 05/11/2008, nguyện vọng sau ly hôn chị Q muốn trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày quá trình chung sống vợ chồng anh chị có những tài sản chung gồm:

1. Thừa đất số: 488, tờ bản đồ số 08. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng.

2. Thừa đất số: 188, tờ bản đồ số 21. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành Phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 120,0 m².

3. Thừa đất số: 237, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 520,0 m².

4. Thừa đất số: 236, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,8 m².

5. Thừa đất số: 235, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m².

6. Thừa đất số: 234, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m².

7. Thừa đất số: 245, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 799,8 m².

8. Thừa đất số: 238, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B, Địa chỉ: Thôn H, xã T Huyện B, Quảng Bình. Diện tích: 789.9 m².

9. Thừa đất số: 241, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 789,9 m².

10. Thừa đất số: 243, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 797.7 m².

11. Thừa đất số: 242, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.944.6 m².

12. Thừa đất số: 244 , tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ : Thôn H, xã T , huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.963.2 m².

13. Thừa đất số: 240, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.996.3 m².

14. Thừa đất số: 239 , tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 12.904 m².

15. Xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) mang tên chủ sở hữu : Đinh Thị Q mang biển kiểm soát: 73A - 141.17.

16. Xe ô tô Hill Toyota (mua năm 2021) mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Viết N mang biển kiểm soát : 73C - 126.18.

Tại đơn khởi kiện chị Q có nguyện vọng chia đôi tài sản chung của anh chị, sau khi ly hôn chị xin được ở tại ngôi nhà số A, đường N là tài sản trên thửa đất 488, tờ bản đồ số 08 tại tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ; Hai thửa đất số 235 và 236, tờ bản đồ số 43 tại xã T, huyện B tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình và xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) BKS 73A – 141.17 hiện nay chị đang sử dụng.

Tại phiên tòa và đơn trình bày chị gửi thì chị có yêu cầu được hưởng tỷ lệ 60%, và xin ở ngôi nhà tại thửa đất số 488, còn các tài sản khác thì yêu cầu chia theo quy định. Vì lý do cần ưu tiên cho chị là phụ nữ, anh N là người có lỗi đối với mẹ con chị khi có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác đã có con riêng.

- Về khoản nợ chung: Chị Q trình bày quá trình làm nhà anh chị còn nợ Công ty TNHH T2 số tiền 600.000.000 đồng, nguyện vọng của chị là chia đôi số nợ mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH T2 số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ngày 05/10/2022 chị Q đã có đơn xin rút phần yêu cầu khoản nợ chung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, các phiên hoà giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Viết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Q có quá trình tìm hiểu, đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn nhưng không quá trầm trọng. Bản thân anh N vẫn yêu thương, quan tâm chăm sóc vợ con. Việc chị Q làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, mong muốn đoàn tụ để con có cha có mẹ. Anh trình bày thêm nếu chị Q kiên quyết xin ly hôn thì đó là việc của chị và Tòa án giải quyết theo quy định, còn bản thân anh mong muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh chị đã không tìm được tiếng nói chung, anh N cũng thừa nhận hiện nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N cũng đồng ý ly hôn với chị Q và mong Tòa án giải quyết.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết C1, sinh ngày 05/11/2008, nguyện vọng sau ly hôn anh N muốn trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N hoàn toàn thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung đúng như chị Q đã trình bày. Tại các lần hòa giải anh N có nguyện vọng xin được ở trên ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 tại tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (đây là tài sản của ông Nguyễn Viết S để lại cho anh N); Thửa đất số 238 tờ bản đồ 43 (thuộc thôn H, xã T, huyện B) và được sử dụng chiếc xe Hill Toyota, BKS 73C-126.18.

Tại phiên tòa hôm nay anh cho rằng tất cả các tài sản trên đều do anh tự làm ra, nên anh yêu cầu mình được hưởng tỷ lệ 90% và anh cũng xin ở ngôi nhà trên thửa đất 488 tại phường N, thành phố Đ.

- Về khoản nợ chung: Tại các buổi hòa giải anh N đề nghị Công ty TNHH T2 cung cấp chi tiết bản gốc về khoản nợ có dấu pháp lý của Công ty vì anh cho rằng Công ty đã trừ vào lương hàng tháng của anh trong việc xây nhà. Quá trình giải quyết, chị Q đã có đơn xin rút phần yêu cầu khoản nợ chung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa để anh chị tự thỏa thuận; anh N cũng không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý, Toà án đã triệu tập các bên đương sự làm bản tự khai, ra thông báo về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại các phiên hoà giải, các bên không thoả thuận được về vấn đề con chung và tài sản chung. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Toà án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Toà án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án kiện xin ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ tại phường B, thành phố Đ nên Toà án thành phố Đ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề xuất áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử chị Q được ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: Đề xuất áp dụng Điều 81, 82, 83 đề nghị giao cháu C1 cho chị Q nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Đề xuất áp dụng các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chị Q về việc xác định quá trình kết hôn anh N chị Q có tổng giá trị tài sản chung là 26.789.100.000 đồng và mỗi người được hưởng 50%. Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 tại tổ dân phố A, phường N và có ngôi nhà 03 tầng cho chị Q để ổn định cuộc sống, chăm sóc cháu C1. Giao cho anh N chị Q mỗi người sử dụng các xe ô tô trên để sử dụng theo nhu cầu. Chị Q phải bù tên chênh lệch khi chia tài sản cho anh N.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đinh Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Nguyễn Viết N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà A đường N, Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 vắng mặt, tức là cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006, quyển số 01, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn nhưng đáng lẽ anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm, bản thân anh đã không thực hiện nghĩa vụ của người làm chồng, làm cha cùng vun vén để nuôi dưỡng con cái và xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến sinh con với người khác trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên can và bản thân chị Q đã tha thứ mong giữ vững hạnh phúc gia đình nhưng sau đó anh N vẫn không chấm dứt các mối quan hệ ngoài vợ ngoài chồng, tình cảm vợ chồng vì vậy mà phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu anh N có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng sau đó không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc và anh N cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Theo trình bày của chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N thì quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết C1, sinh ngày 05/11/2008. Chị Q và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung

sau ly hôn và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyên vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bên là chính đáng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, cháu C1 cùng chị Q phải về nhà ngoại để sinh sống. Đặc biệt từ năm 2021, phát hiện cháu C1 bị mắc bệnh cường giáp và phải nhập viện điều trị, hàng tháng phải tái khám thường xuyên thì bản thân chị Q là người luôn ở bên chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng điều trị cho cháu C1. Mặt khác, tại bản trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Viết C1 thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ Q sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của con cái sau khi bố mẹ ly hôn cả về vật chất và tinh thần cũng như tâm sinh lý phát triển của cháu Viết C1. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Viết C1, sinh ngày 05/11/2008 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C1 xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung:

[2.3.1] Quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm:

* Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 188, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành Phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 120,0 m² đất ở tại đô thị. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 204928 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

2. Quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số: 488, tờ bản đồ số 08; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 987297 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất ở nông thôn: 159,9 m². Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646109 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646110 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,8 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646111 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 520,0 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646112 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

7. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 789,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606815 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

8. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 12904,0m² trong đó: 12.412,6 m² (đất rừng sản xuất) và 491,4 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958292 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

9. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.996,3 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606811 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

10. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 766,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606812 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

11. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1944,6m² trong đó: 1.939,6 m² (đất rừng sản xuất) và 5,0 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 525719 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

12. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 797,7m² trong đó: 754,5 m² (đất rừng sản xuất) và 43,2 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958503 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

13. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1963,2m² trong đó: 1.114,7m² (đất rừng sản xuất) và 848,5 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958291 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

14. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 799,80m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606810 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

* Về tài sản khác gồm:

01. Xe ô tô hiệu Luxes số loại RX 300 (mua năm 2019) màu sơn trắng; tên chủ xe: Đinh Thị Q; biển kiểm soát: 73A - 141.17.

02. Xe ô tô tải hiệu Toyota loại Hill Gun126L-DTTHXU (mua năm 2021) màu sơn cam; tên chủ xe: Nguyễn Viết N; biển kiểm soát : 73C - 126.18.

Những tài sản trên là công sức do anh Nguyễn Viết N và chị Đinh Thị Q tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận là tài sản chung. Nên cần chấp nhận đây là tài sản chung của anh chị và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3.2] Về khoản nợ chung: Chị Q trình bày quá trình làm nhà anh chị còn nợ Công ty TNHH T2 số tiền 600.000.000 đồng, nguyện vọng của chị là chia đôi số nợ mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH T2 số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ngày 05/10/2022 chị Q đã có đơn xin rút phần yêu cầu khoản nợ chung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa để anh chị tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút về yêu cầu khoản nợ; anh N cũng không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không xem xét giải quyết và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia khoản nợ chung.

[2.4] Về việc yêu cầu định giá tài sản và lựa chọn kết quả định giá:

[2.4.1] Yêu cầu định giá tài sản của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Q có đơn yêu cầu định giá độc lập vào ngày 07/7/2022 gửi Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để định giá 16 tài sản chung của anh N, chị Q. Ngày 30/8/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 - chi nhánh M đã đưa ra chứng thư thẩm định giá đối với các tài sản như sau:

STT	Tên tài sản	Thành tiền (đồng)
1	Thửa đất số 188, tờ bản đồ 21 tại tổ dân phố Phú Thượng, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	3.000.000.000
2	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số 10 Nguyễn Tri Phương, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	10.458.163.014
3	Thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	799.500.000
4	Thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	799.500.000
5	Thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	799.000.000
6	Thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	2.600.000.000
7	Thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	1.145.355.000

	huyện Bồ Trách	
8	Thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	18.014.486.200
9	Thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	4.990.750.000
10	Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	1.917.250.000
11	Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	2.812.420.000
12	Thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	1.886.250.000
13	Thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	1.616.315.000
14	Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trách, huyện Bồ Trách	1.999.500.000
15	Xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) mang tên chủ sở hữu: Đinh Thị Quý	2.503.000.000
16	Xe ô tô Hill Toyota (mua năm 2021) mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Viết Nam mang biển kiểm soát: 73C - 126.18	788.000.000
Tổng cộng		56.129.654.214

Sau khi có kết quả định giá độc lập, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ban hành Công văn số 1958/CV-TA gửi cho anh N thông báo kết quả thẩm định, định giá tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 - chi nhánh M đối với các tài sản chung. Ngày 12/10/2022, anh N gửi đơn yêu cầu xem xét thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp có nội dung: Anh N đồng ý kết quả định giá do Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 thực hiện đối với: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số A N, phường N, thành phố Đ. Đối với các tài sản khác anh N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thẩm định xem xét tại chỗ hiện trạng đất tranh chấp, thành lập hội đồng định giá tài sản và tiến hành định giá tài sản theo quy định đối với các tài sản trong vụ án tại địa bàn thành phố Đ. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thành lập hội đồng thẩm định, định giá tài sản theo Quyết định số 04/2022/QĐ-ĐG ngày 17/02/2022 để định giá tài sản là thửa đất số 188, tờ bản đồ 21 tại tổ dân phố P, phường P, thành phố Đ; 01 xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) mang biển kiểm soát: 73A-141.17; tên chủ sở hữu: Đinh Thị Q và 01 xe ô tô Hill Toyota (mua năm 2021) mang biển kiểm soát: 73C - 126.18; tên chủ sở hữu: Nguyễn Viết N.

Ngày 21/10/2022 tòa án ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 14/2022/QĐ-UTTA đến Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách để tiến hành định giá

các thửa đất tại xã T là tài sản chung của anh N và chị Q. Ngày 18/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã ra Quyết định số 30/2022/QĐ-ĐG để định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá tài sản để định giá các tài sản chung của anh N, chị Q. Kết quả định giá tài sản các tài sản chung (theo QĐ thành lập Hội đồng định giá của Tòa án) như sau:

STT	Tên tài sản	Thành tiền (đồng)
1	Thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	25.584.000
2	Thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	25.584.000
3	Thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	25.568.000
4	Thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	83.200.000
5	Thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	6.319.200
6	Thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	103.232.000
7	Thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	15.970.400
8	Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	6.135.200
9	Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	15.556.800
10	Thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	6.381.600
11	Thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	15.705.600
12	Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	6.398.400
13	Thửa đất số 188, tờ bản đồ 21 tại tổ dân phố Phú Thượng, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	555.000.000
14	Xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) mang tên chủ sở hữu: Đinh Thị Quý	2.566.200.000
15	Xe ô tô Hill Toyota (mua năm 2021) mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Viết Nam mang biển kiểm soát : 73C - 126.18	979.965.000

Tổng cộng	4.436.800.200
------------------	----------------------

Ngày 06/12/2022 anh N có đơn yêu cầu thẩm định lại tài sản đang tranh chấp gửi Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới cùng Hội đồng thẩm định giá tài sản đã tiến hành định giá khối tài sản chung của anh N và chị Q. Anh N cho rằng việc định giá tài sản chung của vợ chồng theo kết quả của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập thấp so với giá thực tế. Anh N đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận để anh N yêu cầu một tổ chức định giá khác để định giá giá trị tài sản đối với toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng để đảm bảo tính chính xác, sự thật khách quan trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thông báo cho chị Q về việc anh N yêu cầu đơn vị định giá độc lập là Công ty Đ1 tiến hành định giá độc lập. Công ty Đ1 đã đưa ra chứng thư thẩm định giá đối với các tài sản như sau:

STT	Tên tài sản	Thành tiền (đồng)
1	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 188, tờ bản đồ 21 tại tổ dân phố Phú Thượng, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	2.245.320.000
2	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số 10 Nguyễn Tri Phương, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	11.922.273.325
3	Thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	511.200.300
4	Thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	511.200.300
5	Thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	510.880.600
6	Thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	1.662.440.000
7	Thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	110.586.000
8	Thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	1.806.560.000
9	Thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	279.482.000
10	Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	107.366.000

11	Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	272.244.000
12	Thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	111.678.000
13	Thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	274.848.000
14	Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43 tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	111.972.000
15	Xe ô tô Luxes RX 300 (mua năm 2019) mang tên chủ sở hữu: Đinh Thị Quý	2.347.000.000
16	Xe ô tô Hill Toyota (mua năm 2021) mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Việt Nam mang biển kiểm soát : 73C - 126.18	761.000.000
Tổng cộng		23.546.050.525

Tòa án đã gửi kết quả định giá cho chị Q, nhưng chị không đồng ý với kết quả định giá độc lập mà anh N đưa ra và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2023, chị Q có gửi đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định định giá tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số A N, phường N, thành phố Đ là chưa có kết quả định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, chị Q làm đơn gửi đến tòa án đề nghị Tòa án ra quyết định định giá tài sản đối với tài sản trên.

Ngày 17/02/2023 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, định giá tài sản để định giá tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số A N, phường N, thành phố Đ, kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Thành tiền (đồng)
1	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 488, tờ bản đồ 8 tại số 10 Nguyễn Tri Phương, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	4.413.133.240

[2.4.2] Các đương sự thống nhất về lựa chọn cơ quan định giá tài sản do Tòa án lựa chọn:

Do các đương sự không thống nhất với nhau về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để định giá tài sản. Ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã lập biên bản về việc Hai bên đương sự thống nhất đề nghị Tòa án đứng ra lựa chọn cơ quan định giá độc lập đó là Công ty Cổ phần T3 có địa chỉ: Tòa nhà K, số A L, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật:

Ông Đinh Quang V – Tổng giám đốc. Chi nhánh được yêu cầu: Công ty Cổ phần T3 – Chi nhánh M1 (DCSC); có địa chỉ: Số E L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân T1 - Chức vụ: Giám đốc sẽ đứng ra định giá tài sản chung của chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N gồm các tài sản mà anh chị đã thừa nhận là tài sản chung tại mục [2.3.1]. Anh N, chị Q đã thống nhất và ký hợp đồng, nộp chi phí tố tụng để cơ quan thẩm định giá tiến hành định giá các tài sản đúng theo quy định.

Ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T3 – Chi nhánh M1 (DCSC) dựa trên cơ sở các tài liệu do Tòa án, Ông Nguyễn Viết N và Bà Đinh Thị Q cung cấp, với cơ sở giá trị và phương pháp thẩm định giá được áp dụng, thông báo kết quả thẩm định giá trị quyền sử dụng đất và xe ô tô tại thời điểm tháng 05 năm 2023 như sau:

Stt	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ CLCL (%)	Thành tiền (đồng)
01	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 204928 (Tại Phú Thượng, Phú Hải, thành phố Đồng Hới)				2.468.760.000
-	Đất ở đô thị	120,0	20.573.000		2.468.760.000
02	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 987297 (Tại số 10, Nguyễn Tri Phương, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới)				11.515.106.538
-	Đất ở đô thị	287,9	32.292.000		9.296.866.800
-	Nhà ở 2 tầng	376,65	8.179.712	72%	2.218.239.738
03	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646109				643.405.620
-	Đất ở nông thôn	159,9	4.023.800		643.405.620
04	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646110				643.405.620
-	Đất ở nông thôn	159,9	4.023.800		643.405.620
05	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646111				643.003.240
-	Đất ở tại nông thôn	159,8	4.023.800		643.003.240
06	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646112				2.092.376.000
-	Đất ở tại nông thôn	520,0	4.023.800		2.092.376.000
07	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606815				207.269.760
-	Đất rừng sản xuất	789,9	262.400		207.269.760
08	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958292				3.260.997.440

-	Đất rừng sản xuất	12.412,6	262.400		3.257.066.240
-	Đất thuộc QHGT	491,4	8.000		3.931.200
09	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606811				523.829.120
-	Đất rừng sản xuất	1.996,3	262.400		523.829.120
10	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606812				201.234.560
-	Đất rừng sản xuất	766,9	262.400		201.234.560
11	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 525719				508.991.040
-	Đất rừng sản xuất	1.939,6	262.400		508.951.040
-	Đất thuộc QHGT	5,0	8.000		40.000
12	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958503				197.980.800
-	Đất rừng sản xuất	754,5	262.400		197.980.800
-	Đất thuộc QHGT	43,2	8.000		345.600
13	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958291				299.285.280
-	Đất rừng sản xuất	1.114,7	262.400		292.497.280
-	Đất thuộc QHGT	848,5	8.000		6.788.000
14	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606810				209.867.520
-	Đất rừng sản xuất	799,80	262.400		209.867.520
15	Ô tô con hiệu Lexus số loại RX300	1 Chiếc	2.599.000.000		2.599.000.000
16	Xe ô tô tải hiệu Toyota loại Hilux Gun126L-DTTHXU	1 Chiếc	774.600.000		774.600.000
	Tổng cộng :				26.789.112.538
	Tổng số tiền làm tròn:				26.789.100.000

Kết quả định giá đã được gửi cho các bên đương sự theo quy định, anh N chị Q không có ý kiến gì và nhất trí về kết quả định giá của cơ quan định giá mà mình đã lựa chọn. Nên Hội đồng xét xử chọn kết quả định giá tài sản do Công ty Cổ phần T3 – Chi nhánh M1 (DCSC) gửi tới ngày 06/6/2023 để làm căn cứ phân chia tài sản chung của anh Nguyễn Việt N và chị Đinh Thị Q.

[2.5] Nguyên vọng về chia tài sản chung của các đương sự tại phiên tòa như sau:

- Nguyên vọng của chị Q: Mặc dù tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chia đôi số tài sản chung của anh chị. Nhưng ngày 27/6/2023 và tại phiên tòa chị trình bày nguyện vọng: Để Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị là phụ nữ, con chưa thành niên: Cháu C1 đang bị bệnh chị phải vừa nuôi dạy con vừa chữa bệnh cho con (Khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014). Xét lỗi của anh N trong vi phạm quyền nghĩa vụ vợ chồng (Đ d Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014) Và Theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTCBTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Khi giải quyết chia tài sản khi ly hôn, Tòa án phải xem xét để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên...”. Đối chiếu với hoàn cảnh của chị và con trong lúc này: Chị là phụ nữ nhận nuôi con chưa thành niên, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ chưa thành niên là con chung của hai người, việc xây dựng nhà ở sẽ khó khăn hơn rất nhiều so với anh N. Đề nghị HĐXX xét về yếu tố lỗi của anh N: Anh Nguyễn Viết N vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng: có quan hệ ngoại tình với chị Đoàn Thị Minh L sinh năm 1977 có địa chỉ thường trú tại Khu phố A phường N, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Mặc dù chị đã rất nhiều lần tha thứ nhưng anh N vẫn không thay đổi và vẫn tiếp tục có hành vi trên. Bằng chứng là anh N đã có 2 người con ngoài giá thú với chị Đoàn Thị Minh L là cháu Đoàn Thị Hà L1 (2009) và cháu Đoàn Viết Q1 (2019). Anh Nguyễn Viết N vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 2 Luật Phòng, chống Bạo lực gia đình năm 2007: anh N có những hành vi xúc phạm đến bản thân chị cũng như ba mẹ chị, buộc chị phải mang theo con rời khỏi chỗ ở đã gần hai năm nay, khóa cửa không cho chị về tại ngôi nhà chung của anh chị (Nhà ở tại số A N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Hành hạ, ngược đãi, đánh đập con cái, xâm hại đến sức khỏe của con chị và con; Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau. Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá tài sản, có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản chung của anh chị. Bản thân chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Nên chị có nguyện vọng được chia tài sản như sau: Chia theo hiện vật trong đó: Chị được hưởng 60% và anh N được hưởng 40 %, trong phần tài sản chung của anh Nguyễn Viết N và chị là Đinh Thị Q. Trong phần tài sản được chia, chị có nguyện vọng được nhận Quyền Sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là: Thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 và công trình trên đất là ngôi nhà 03 tầng tại địa chỉ số A N, phường N, thành phố Đ để đảm bảo điều kiện về nơi ở cho chị và cháu C1 là trẻ chưa thành niên. Đối với những tài sản còn lại chị đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

- Nguyện vọng của anh N: Anh N cho rằng tất cả những tài sản trên do anh làm ra và đóng góp công sức nhiều hơn nên anh đề nghị được hưởng 90% và xin được ở trên ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 tại tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng.

Ngày 30/6/2023 và tại phiên tòa anh N có văn bản trình bày quan điểm của mình trong việc giải quyết tranh chấp tài sản khi ly hôn: Anh cho rằng việc hình thành nên khối tài sản nói trên chủ yếu được xây dựng 99% là công sức của anh, bởi thu nhập của anh đến từ thời kỳ anh làm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH T2 – thuộc sở hữu của gia đình anh. Ngoài việc tự tạo lập thì anh còn được hỗ trợ từ cha mẹ của anh. Việc thừa nhận một số vấn đề liên quan đến tài sản thì tại phiên Tòa chị Q cũng đã thừa nhận như: tài sản là đất và căn nhà tại số A N, N có nguồn gốc từ Công ty TNHH T2 cho anh và chi phí xây nhà cũng được Công ty TNHH T2 trừ

100% vào lương hàng tháng của anh, giữa anh và Công ty TNHH T2 cũng có giao kết Hợp đồng xây nhà thể hiện việc đó, điều này cũng được cô Q thừa nhận có nợ tiền xây nhà của Công ty TNHH T2 trong yêu cầu khởi kiện.

Đến thời điểm này việc tính toán hơn thua trong vấn đề phân chia tài sản của chị Q với anh thì anh phải tính toán lại theo phần công sức anh đã bỏ ra. Anh mong muốn nhận cho mình phần tài sản mang nhiều ý nghĩa đối với bản thân anh và đối với công sức mà anh đã bỏ ra từ năm 1992 đến nay. Anh đề nghị Hội đồng xét xử phân chia cho anh những tài sản sau đây:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 987297 tại số A N, N, thành phố Đ, có giá trị: 11.515.100.000 đồng.
2. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 238, tờ bản đồ số 43, tại T, theo GCNQSD đất số DB 606815, có giá trị: 207.269.760 đồng.
3. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 240, tờ bản đồ 43, tại Trung trạch, theo GCNQSD đất số DB 606811, có giá trị: 533.829.120 đồng.
4. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 241, tờ bản đồ 43 theo GCNQSD đất số DB 606812, có giá trị: 201.234.560 đồng.
5. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 242, tờ bản đồ 43 theo GCNQSD đất số DC 525719, có giá trị: 299.285.280 đồng.
6. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 237, tờ bản đồ 43 theo GCNQSD đất số DB 646112, có giá trị: 2.092.376.000 đồng.
7. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 245, tờ bản đồ 43 theo GCNQSD đất số DB 606810, có giá trị: 209.867.520 đồng.
8. Xe ô tô Toyota Hilux 73C – 126.18 có giá trị: 774.600.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản trên (1+2+3+4+5+6+7+8): 15.770.562.240 đồng. Như vậy, các tài sản mà anh yêu cầu trên là gần 60% của tổng tài sản do đơn vị định giá thẩm định, phần hơn 40% giá trị tài sản còn lại anh đề nghị giao cho cô Q quản lý và sử dụng. Theo quy định của pháp luật thì việc chia tài sản khi ly hôn có tính đến công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. “Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung” là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung.... Bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn. Nên anh có quyền được đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh phần tài sản nhiều hơn, là gần 60% so với tổng tài sản đã được thẩm định giá, đề nghị này là đúng với công sức đóng góp của anh. Anh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Ngoài ra, việc yêu cầu chia tài sản là thửa đất và căn nhà tại số A N cho anh cũng vì có những căn cứ như sau:

Thứ nhất, ngoài việc bỏ công sức và tài chính vào việc xây dựng ngôi nhà này, thì ngôi nhà còn mang ý nghĩa rất lớn về mặt tâm linh vì căn nhà trên hiện tại

tôi thờ phụng ông bà, cha mẹ và anh trai đầu của anh, đồng thời tương lai sau này sẽ cho con trai của anh là cháu C1 sử dụng và duy trì việc thờ cúng đó.

Thứ hai, căn nhà này hiện nay được anh sử dụng để làm trụ sở của Tập đoàn N1, do anh đang điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc kinh doanh đã ổn định từ trước đến nay, việc phải di chuyển trụ sở công ty đến nơi khác trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh đang bình thường của công ty cũng như ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập của bản thân anh cũng như toàn bộ CNCNV của Công ty.

Thứ ba, như đã nói ở trên, khi cháu C1 ở với anh, thì anh cũng cần có một nơi để đảm bảo ổn định cuộc sống. Còn đối với chị Q thì với khối tài sản được nhận như trên thì tôi cho rằng chị Q sẽ đủ điều kiện để xây dựng căn nhà mới, hiện đại để tiếp tục cuộc sống mới tốt hơn.

Thứ tư, trường hợp nếu HĐXX quyết định giao cháu C1 cho chị Q nuôi dưỡng và yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, thì tôi cũng đề nghị mình phải có được quyền sử dụng căn nhà nói trên để tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo thu nhập để cấp dưỡng cho cháu C1 với số tiền 30.000.000 đồng/tháng (tức là 360.000.000 đồng/năm). Nếu anh không được chia và sử dụng căn nhà đó thì việc đảm bảo cấp dưỡng sẽ rất khó khăn.

[2.6] Về tỉ lệ phân chia tài sản và xét nguyện vọng các bên:

Xét thấy, cả anh chị đều có công sức như nhau trong việc tạo lập ra tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Anh chị đều đưa ra những lý lẽ để yêu cầu cho mình được hưởng tỷ lệ 60%, nhưng chưa đưa ra những căn cứ phù hợp, xác đáng để Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác cả quá trình giải quyết vụ án anh chị đều không đưa ra những ý kiến về nguyện vọng được chia của mình cụ thể là bao nhiêu, anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Đối với những trình bày của chị Q, chị đề nghị xét về yếu tố lỗi của anh N do anh đã vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng: có quan hệ ngoại tình với chị Đoàn Thị Minh L sinh năm 1977 có địa chỉ thường trú tại tổ dân phố A phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; kết quả là có 2 người con ngoài giá thú với chị Đoàn Thị Minh L là cháu Đoàn Thị Hà L1 (2009) và cháu Đoàn Viết Q1 (2019). Quá trình giải quyết vụ án chị không trình bày cụ thể, tại phiên tòa chị chỉ đưa ra những ý kiến và không có những tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc trình bày của mình, nên HĐXX không xem xét.

Về những yêu cầu của anh N: Anh cũng đưa ra những lý lẽ để yêu cầu phân chia tài sản cho mình, nhưng cũng chỉ nêu ra và cung cấp một số giấy tờ và trên những người có biết sự việc anh mua bán đất như thế nào; đối với những người anh N trình bày, Tòa án đã triệu tập nhưng họ vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì, chứng tỏ họ đã cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; tại phiên tòa anh N cũng không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết đưa họ vào tham gia tố tụng và những đề nghị của anh N đưa ra chưa đủ căn cứ để được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét công sức đóng góp của anh N và chị Q là ngang nhau nên mỗi người sẽ được hưởng 50% giá trị tài sản trong tổng giá trị tài sản của anh chị theo định giá được làm tròn là: 26.789.100.000 đồng được tính tương đương với từng giá trị tài sản cụ thể; mỗi người sẽ được hưởng phần giá trị bằng tiền của mình là 13.349.550.000 đồng tương ứng với các tài sản là động sản, bất động sản như tại chứng thư thẩm định giá mà anh N và chị Q đã chọn là Công ty Cổ phần T3 – Chi nhánh M1 (DCSC) cung cấp.

Xét nguyện vọng của các bên: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa cả chị Q và anh N đều có nguyện vọng xin được ở ngôi nhà tại thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 tại số A đường N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. HĐXX thấy rằng: Nguyện vọng của anh chị là chính đáng vì ngôi nhà gắn nhiều kỷ niệm gắn bó của anh chị, anh chị đã cùng nhau tạo dựng được ngôi nhà kiên cố. Tuy nhiên, sau khi anh chị sống ly thân do xô xát nhau nên chị Q và cháu C1 phải lên nhà ngoại sinh sống, chị Q trình bày anh N đã thay hết khóa nên chị và cháu không thể vào nhà để lấy đồ tư trang cá nhân. Trong lúc đó anh N cũng không sinh sống thường xuyên tại ngôi nhà của mình; anh N cho rằng ngôi nhà đó là của bố anh để lại nhưng cũng không chứng minh được việc mình được tặng cho. Theo như anh chị trình bày thì ngôi nhà được xây dựng là trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đều có công sức của mình để xây dựng được ngôi nhà khang trang. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của chị Q xin được ở ngôi nhà vì hiện nay chị đang nuôi cháu Cường ăn học lại là phụ nữ, cháu C1 lại đang bị bệnh cường giáp phải thường xuyên ra vào bệnh viện để chữa bệnh; chị Q chưa có chỗ ăn ở để ổn định cuộc sống của hai mẹ con. Mặt khác, cháu C1 cũng đã có một thời gian sinh sống trong ngôi nhà để học tập cũng như các điều kiện để phát triển về thể chất và tinh thần. Do đó, cần giao tài sản chung quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số: 488, tờ bản đồ số 08; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng cho chị Q được quyền sở hữu và sử dụng.

Đối với các tài sản khác, Hội đồng xét xử sẽ phân chia theo quy định của pháp luật để nhằm phù hợp với nhu cầu sử dụng của các bên cũng như phù hợp với hiện trạng của tài sản để đảm bảo cho các được sở hữu và sử dụng tài sản sau khi được phân chia.

[2.8] Các tài sản được chia cụ thể như sau:

* Phân tài sản giao cho chị Đinh Thị Q gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số: 488, tờ bản đồ số 08; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 987297 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 11.515.106.538 đồng.

- Xe ô tô hiệu Luxes số loại RX 300 (mua năm 2019) màu sơn trắng; tên chủ xe: Đinh Thị Q; biển kiểm soát: 73A - 141.17. Trị giá: 2.599.000.000 đồng.

Giá trị tài sản chị Q được giao: 11.515.106.538 đồng + 2.599.000.000 đồng = 14.114.100.000 đồng. Chị Q có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản của giá trị tài sản chung của vợ chồng cho anh N với số tiền: 719.550.000 đồng.

Giá trị tài sản chị Q được hưởng theo tỷ lệ phân chia: 13.394.550.000 đồng.

* Phân tài sản giao cho anh Nguyễn Viết N gồm:

- Quyền sử dụng đất:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 188, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành Phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 120,0 m² đất ở tại đô thị. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 204928 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 2.468.760.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất ở nông thôn: 159,9 m². Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646109 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646110 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,8 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646111 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 520,0 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646112 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 2.092.376.000 đồng.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 789,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606815 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 207.269.760 đồng.

7. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 12904,0m² trong đó: 12.412,6 m² (đất rừng sản xuất) và 491,4 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958292 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 3.260.997.440 đồng.

8. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.996,3 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606811 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 523.829.120 đồng.

9. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 766,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606812 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 201.234.560 đồng.

10. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1944,6m² trong đó: 1.939,6 m² (đất rừng sản xuất) và 5,0 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 525719 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 508.991.040 đồng.

11. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 797,7m² trong đó: 754,5 m² (đất rừng sản xuất) và 43,2 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958503 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 197.980.800 đồng.

12. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1963,2m² trong đó: 1.114,7m² (đất rừng sản xuất) và 848,5 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958291 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 299.285.280 đồng.

13. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 799,80m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606810 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 209.867.520 đồng.

* Về tài sản khác gồm: Xe ô tô tải hiệu Toyota loại Hill Gun126L-DTTHXU (mua năm 2021) màu sơn cam; tên chủ xe: Nguyễn Viết N; biển kiểm soát : 73C - 126.18. Trị giá: 774.600.000 đồng.

Giá trị tài sản anh N được giao và được hưởng là: 12.675.000.000 đồng + 719.550.000 đồng (tiền bù chênh lệch của chị Đinh Thị Q) = 13.394.550.000 đồng.

[2.7] Về chi phí định giá tài sản: Quá trình giải quyết anh N, chị Q đã chi, anh chị tự chịu trách nhiệm về khoản chi phí này. Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về chi phí định giá mà anh chị đã chi, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Đinh Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phân chia tài sản chung là 121.394.550 đồng để sung quỹ nhà nước. Chị Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.880.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001186 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới. Chị Đinh Thị Q còn phải nộp thêm số tiền 64.814.550 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Nguyễn Viết N không phải chịu.

- Anh Nguyễn Viết N phải chịu 121.394.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phân chia tài sản chung để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 213, khoản 3 Điều 220 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Q và anh Nguyễn Viết N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Viết C1, sinh ngày 05/11/2008 cho chị Đinh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C1 xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Chia tài sản chung của anh Nguyễn Viết N và chị Đinh Thị Q gồm có:

* Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 188, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành Phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 120,0 m² đất ở tại đô thị. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 204928 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

2. Quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số: 488, tờ bản đồ số 08; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 987297 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất ở nông thôn: 159,9 m². Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646109 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646110 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,8 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646111 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 520,0 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646112 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

7. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 789,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606815 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

8. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 12904,0m² trong đó: 12.412,6 m² (đất rừng sản xuất) và 491,4 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958292 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

9. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.996,3 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606811 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

10. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 766,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606812 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

11. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1944,6m² trong đó: 1.939,6 m² (đất rừng sản xuất) và 5,0 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 525719 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

12. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 797,7m² trong đó: 754,5 m² (đất rừng sản xuất) và 43,2 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958503 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

13. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1963,2m² trong đó: 1.114,7m² (đất rừng sản xuất) và 848,5 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958291 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

14. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 799,80m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606810 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q.

* Tài sản khác gồm:

01. Xe ô tô hiệu Luxes số loại RX 300 (mua năm 2019) màu sơn trắng; tên chủ xe: Đinh Thị Q; biển kiểm soát: 73A - 141.17.

02. Xe ô tô tải hiệu Toyota loại Hill Gun126L-DTTHXU (mua năm 2021) màu sơn cam; tên chủ xe: Nguyễn Viết N; biển kiểm soát : 73C - 126.18.

Tổng giá trị tài sản của anh Nguyễn Viết N và chị Đinh Thị Q có giá trị là 26.789.100.000 đồng

3.2. Chia cụ thể như sau:

* Chị Đinh Thị Q được nhận:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại thửa đất số: 488, tờ bản đồ số 08; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích: 287.9 m² và ngôi nhà 3 tầng. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 987297 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 11.515.106.000 đồng.

- Xe ô tô hiệu Luxes số loại RX 300 (mua năm 2019) màu sơn trắng; tên chủ xe: Đinh Thị Q; biển kiểm soát: 73A - 141.17. Trị giá: 2.599.000.000 đồng.

Giá trị tài sản chi Q được giao là: 14.114.100.000 đồng.

Giá trị tài sản chi Q được hưởng theo tỷ lệ phân chia: 13.394.550.000 đồng.

* Phần tài sản giao cho anh Nguyễn Viết N gồm:

- Quyền sử dụng đất:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 188, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường P, thành Phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 120,0 m² đất ở tại đô thị. Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 204928 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 2.468.760.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 234, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất ở nông thôn: 159,9 m². Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646109 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 235, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,9 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646110 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 236, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 159,8 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646111 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 643.405.620 đồng.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 520,0 m² (đất ở nông thôn). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 646112 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 2.092.376.000 đồng.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 238, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 789,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606815 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 207.269.760 đồng.

7. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 239, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 12904,0m² trong đó: 12.412,6 m² (đất rừng sản xuất) và 491,4 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958292 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 3.260.997.440 đồng.

8. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 240, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1.996,3 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606811 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 523.829.120 đồng.

9. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 766,9 m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606812 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 201.234.560 đồng.

10. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 242, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1944,6m² trong đó: 1.939,6 m² (đất rừng sản xuất) và 5,0 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 525719 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 508.991.040 đồng.

11. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 243, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 797,7m² trong đó: 754,5 m² (đất rừng sản xuất) và 43,2 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958503 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 197.980.800 đồng.

12. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 244, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 1963,2m² trong đó: 1.114,7m² (đất rừng sản xuất) và 848,5 m² (đất thuộc QHGT). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 958291 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 299.285.280 đồng.

13. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 245, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích: 799,80m² (đất rừng sản xuất). Được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 606810 mang tên Nguyễn Viết N, Đinh Thị Q. Trị giá: 209.867.520 đồng.

* Về tài sản khác gồm: Xe ô tô tải hiệu Toyota loại Hill Gun126L-DTTHXU (mua năm 2021) màu sơn cam; tên chủ xe: Nguyễn Viết N; biển kiểm soát : 73C - 126.18. Trị giá: 774.600.000 đồng.

Giá trị tài sản anh N được giao và được hưởng là: 12.675.000.000 đồng.

3.3. Thanh toán chênh lệch: Chị Đinh Thị Q có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Viết N số tiền chênh lệch so với giá trị tài sản chị Q được chia là: 719.550.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chia khoản nợ chung: Trong quá trình giải quyết chị Đinh Thị Q trình bày quá trình làm nhà anh chị còn nợ Công ty TNHH T2 số tiền 600.000.000 đồng, nguyện vọng của chị là chia đôi số nợ mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH T2 số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 05/10/2022 chị Q đã có đơn xin rút phần yêu cầu khoản nợ chung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu chia khoản nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết. Đình giải quyết phần chia khoản nợ chung.

5. Về án phí:

- Chị Đinh Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phân chia tài sản chung là 121.394.550 đồng để sung quỹ nhà nước. Chị Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.880.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001186 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới. Chị Đinh Thị Q còn phải nộp thêm số tiền 64.814.550 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Nguyễn Viết N không phải chịu.

- Anh Nguyễn Viết N phải chịu 121.394.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phân chia tài sản chung để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/6/2023). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đức Bản Đặng Thị Thu

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Tại phiên toà ngày .../2023 nguyên đơn chị **Đinh Thị Q** có yêu cầu định giá tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số 488, tờ bản đồ số 8 tại **tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Do đó, HĐXX đã ra Quyết định tạm ngưng phiên toà số ... ngày /2023 đồng thời ấn định phiên toà tiếp theo sẽ diễn ra vào ngày/2023 và tiến hành tổng đạt cho các bên đương sự. Sau khi tiến hành định giá đối với tài sản nêu trên theo yêu cầu của nguyên đơn, Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới ra thông báo dời lịch phiên toà vì Thẩm phán giải quyết vụ án bận đột xuất, thời gian mở lại phiên toà được ấn định vào ngày/2023. Tại phiên toà, các bên đương sự đều có mặt.